

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TÌM HIỂU CỤM TỪ BẮT ĐẦU BẰNG TỪ "ĐẦU" TRONG TIẾNG VIỆT VỚI TỪ "หัว" TRONG TIẾNG THÁI LAN

TRẦN VĂN NAM* - SONGGOT PAANCHIANGWONG**

TÓM TẮT: Bài viết là sự so sánh về khả năng kết hợp và cơ sở kết hợp của từ "đầu" trong tiếng Việt và từ "หัว" trong tiếng Thái Lan (tiếng Thái); chỉ ra sự tương đồng và khác biệt của từ cùng chỉ một bộ phận trên cơ thể con người trong giao tiếp ở ngôn ngữ của một nước khác. Qua đó, bài viết cũng cho thấy được một số nét khác biệt về văn hoá giữa hai đất nước.

TỪ KHOẢ: mắt; tương đồng; khác biệt; tiếng Việt; tiếng Thái.

NHẬN BÀI: 14/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/03/2023

1. Mở đầu

1.1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ của một tộc người, một đất nước phụ thuộc chặt chẽ vào nền văn hóa của họ. Vì vậy, khi nghiên cứu một đơn vị từ vựng cùng biểu thị một khái niệm trong các ngôn ngữ khác nhau, *“một số nét nghĩa của từ vựng đó được tìm thấy trong nền văn hóa này nhưng có thể không tồn tại trong nền văn hóa khác. Bởi, các ngôn ngữ khác nhau không chỉ có sự lựa chọn khác nhau về âm thanh để biểu đạt ý niệm mà còn khác nhau ở chính cách thức tạo ra những từ ngữ đó”* [Đinh Trọng Lạc, 1994, tr.198]. *“Bất kì ngôn ngữ nào cũng có thể biểu đạt bất kì ý nghĩa gì được các ngôn ngữ khác biểu đạt. Đó là nền tảng quan trọng cho việc đối chiếu về từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng”* [Đinh Trọng Lạc, 1994, tr.102].

Tiếng Việt và tiếng Thái đều thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập vì thế giữa chúng mang nhiều điểm chung không chỉ là đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập mà còn có nhiều điểm tương đồng nhau về văn hóa, nhất là hai nước gần gũi về địa lí và cùng thuộc khối ASEAN. Bắt đầu từ những năm 70 của thế kỉ 20, việc học tập, nghiên cứu tiếng Việt ở Thái Lan và tiếng Thái ở Việt Nam đã có sự khởi đầu, trong đó có một số công trình nghiên cứu đối chiếu song ngữ Thái-Việt, chẳng hạn: *“So sánh đối chiếu ngữ pháp tiếng Thái Lan và tiếng Việt”* (luận án tiến sĩ của Wassana Namphon), *“Ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp của từ Cho trong tiếng Việt”* (luận văn thạc sĩ của Suthathip Muanjai), *“Loại từ trong tiếng Thái Lan và tiếng Việt”* (luận văn thạc sĩ của Siriwong Hongswan), *“Hình vị và từ tiếng Thái Lan”* (luận án tiến sĩ của Nguyễn Tương Lai), *“Phân tích đối chiếu lĩnh vực cấu tạo từ trong tiếng Việt và tiếng Thái Lan”* (luận văn thạc sĩ của Nguyễn Kim Châu), *“Ngữ âm tiếng Thái Lan trong sự so sánh với tiếng Việt”* (Nguyễn Tương Lai, 2018), *“The Vietnamese Tones Variation in Closed Syllable of the Viet Kieu in Nakhon Phanom Province, Thailand”* (Patthida Bunchavalit, 2019), v.v.

Bài viết của chúng tôi “Tìm hiểu cụm từ bắt đầu bằng từ đầu trong tiếng Việt với từ หัว trong tiếng Thái Lan” là sự tiếp tục của việc nghiên cứu đối chiếu song ngữ Thái-Việt. Với mục đích qua nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ, có thể phát hiện được những ô trống của ngôn ngữ này so với ngôn ngữ kia, ví dụ, một nét nghĩa, một đơn vị, một cấu trúc, một hiện tượng ngôn ngữ có trong ngôn ngữ này nhưng lại không có trong ngôn ngữ kia.

1.2. Lý thuyết

So sánh là một thao tác tư duy mang tính phổ quát của nhân loại. Nhờ so sánh mà con người phát

* TS; Trường Đại học Phenikaa; Email: namtransp.edu@gmail.com

** PGS.TS; Trường Đại học Rajabhat Udon Thani, Thái Lan; Email: Songgot.2449@gmail.com

hiện ra nhiều thuộc tính và quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới. Khi so sánh, để làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng, người ta thường chỉ so sánh các sự vật, hiện tượng cùng phạm trù, cùng loại. Việc so sánh hai đối tượng bất kì bao giờ cũng dựa trên một giả định là hai đối tượng đó có điểm chung. Ví dụ tiếng Việt và tiếng Thái đều cùng thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập chính là nền tảng cơ sở chung đầu tiên, là cái nền chung cho sự mọi so sánh giữa tiếng Việt Nam và tiếng Thái Lan.

Cũng trên cơ sở của sự so sánh đó, ngôn ngữ học đối chiếu chú ý cả đến những điểm khác nhau và những điểm giống nhau giữa các ngôn ngữ. Trong đối chiếu ngôn ngữ, người đối chiếu lựa chọn những đơn vị ngôn ngữ tương đương để đối chiếu với nhau dựa vào những cơ sở so sánh. “Cơ sở so sánh hay gọi là cái nền so sánh thường được gọi là *Tertium Comparationis* (TC). Đây là một từ gốc trong tiếng Latinh dùng để chỉ cái thứ 3 trong so sánh. TC không chỉ quyết định khả năng so sánh mà còn chi phối đến kết quả so sánh. TC chính là trung tâm của sự so sánh” [Đình Trọng Lạc, 1994, tr.102]. Ví dụ: Khi so sánh hoa cúc và hoa hồng, nếu dựa vào giá cả thì hoa cúc có giá rẻ hơn hoa hồng nhưng nếu dựa vào tiêu chí là sự chăm sóc thì hoa cúc lại dễ trồng và dễ chăm sóc hơn hoa hồng. Ở ví dụ này, TC chính là giá cả và sự chăm sóc. Theo đó, khi đối chiếu các nét nghĩa của từ *đầu* trong tiếng Việt và từ *หัว* trong tiếng Thái Lan thì TC ở đây chính là chỉ ra và làm rõ số lượng các nét nghĩa giống nhau và khác nhau của hai từ này. Nếu không có TC, chúng ta không thể so sánh được. TC không phải là một cái gì đó chung chung làm cơ sở cho sự đối chiếu, mà còn phải thể hiện một đặc điểm nào đó có ý nghĩa quan trọng ở một mức độ nhất định đối với các ngôn ngữ được đối chiếu. Sự tương đương ở đây chính là mối quan hệ giữa các đơn vị, cấu trúc ngôn ngữ cho ta cơ sở để xác định vì sao những đối tượng này được chọn để so sánh, vì chỉ những đối tượng tương đương với nhau mới có thể so sánh được với nhau. Qua so sánh, người nghiên cứu xác định được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai đối tượng được mang ra để so sánh.

Hiện nay, hướng nghiên cứu so sánh đối chiếu từ vựng giữa các ngôn ngữ khác nhau chiếm một vị trí quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ. Các từ (hoặc trường từ vựng) thường được chọn để nghiên cứu có tính chất phổ biến, thông dụng như: từ chỉ bộ phận cơ thể người, từ chỉ sự chuyển động, từ chỉ quan hệ thân tộc, từ chỉ màu sắc, từ chỉ cảm xúc, từ chỉ động vật... Khi đối chiếu, người nghiên cứu tiếp cận theo hướng so sánh cấu trúc nghĩa, tần số sử dụng, đặc điểm kết hợp... của từ vựng đó. Bài viết này được triển khai theo hướng lí thuyết trên với TC là khả năng kết hợp và cơ sở kết hợp để tạo thành cụm từ của *đầu* và từ *หัว*.

1.3. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

1) Bài viết sử dụng phương pháp của ngôn ngữ học đối chiếu với các thủ pháp cụ thể sau:

- Thủ pháp thống kê, phân loại: Thủ pháp này được dùng để tổng hợp và phân loại các cụm từ có từ *đầu* trong tiếng Việt và từ *หัว* trong tiếng Thái.
- Thủ pháp miêu tả: được sử dụng để miêu tả hệ thống những đơn vị so sánh cụ thể: hình vị, từ, cụm từ và các vấn đề cụ thể khác của tiếng Việt và Thái trong bài nghiên cứu.
- Thủ pháp so sánh: mục đích nhằm chỉ ra những nét tương đồng và khác biệt về khả năng kết hợp và cơ sở kết hợp của *đầu* trong tiếng Việt và từ *หัว* trong tiếng Thái.

2) Tư liệu để khảo sát, thống kê, phân loại phục vụ công việc nghiên cứu bao gồm:

- Từ điển tiếng Việt (2010), Viện Ngôn ngữ học, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội. Từ điển tiếng Thái (2013), Viện Hàn lâm Quốc gia, Nxb Namibook Publication, Băng Cốc.
- Chúng tôi tiến hành khảo sát hai quyển từ điển bên trên để tổng hợp, phân loại và tác nghiệp với những cụm từ có từ “đầu” trong tiếng Việt và từ “หัว” trong tiếng Thái.

2. Nội dung

2.1. Khả năng kết hợp của từ “đầu” trong tiếng Việt và từ “หัว” trong tiếng Thái

Từ “đầu” của tiếng Việt và từ “หัว” của tiếng Thái chỉ kết hợp với các thực từ là danh từ, tính từ, động từ. Sau khi “đầu” của tiếng Việt và từ “หัว” của tiếng Thái Lan kết hợp với các thực từ thuộc ba nhóm từ này hầu hết sẽ tạo thành các cụm từ mà trong đó từ “đầu” và từ “หัว” là yếu tố giữ vai trò quan trọng. Người nghiên cứu tổng hợp và phân loại các cụm từ theo các tiêu chí cụ thể được kết quả như sau:

Bảng 1. Khả năng kết hợp của đầu và หัว

STT	Kết hợp với	Đầu		หัว	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Danh từ	134	79,3	112	68,7
2	Tính từ	20	11,8	32	19,6
3	Động từ	15	8,9	19	11,7
Tổng		169	100	163	100

Nội dung biểu hiện cụ thể của các cụm từ theo khả năng kết hợp được thể hiện qua bảng 2 và các ví dụ cụ thể như sau:

Bảng 2. Nội dung biểu hiện cụ thể của các cụm từ theo khả năng kết hợp

STT	Kết hợp với	Đặc điểm	Nội dung biểu hiện của cụm từ	Đầu (169)		หัว (163)	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Danh từ	Giống nhau	Đánh dấu mốc thời gian bắt đầu, thông báo thời gian khởi đầu của các hoạt động, việc làm có liên quan đến thời gian	14	8.3	5	3.1
2			Thông báo điểm đầu tiên, điểm khởi đầu của một khu vực không gian, bộ phận đầu tiên, trước nhất của một sự vật, một câu chuyện...	74	43.8	71	43.6
3			Chỉ vị trí lãnh đạo cao nhất trong một cơ quan, một tổ chức, một nhóm người hoặc động vật	8	4.7	9	5.5
4			Chỉ bộ phận cơ thể người	11	6.5	13	8.0
5			Tên gọi của máy móc hoặc bộ phận liên quan đến máy móc	5	3.0	2	1.2
6			Chỉ nước đầu tiên của một số loại thực phẩm	4	2.4	3	1.8
7	Khác nhau	Khác nhau	Chỉ vị trí xếp thứ nhất khi đánh giá về chất lượng, số lượng, chuyên môn ... của một cá nhân, một đơn vị trong một cơ quan, một tổ chức	4	2.4	-	-

8			Chỉ đơn vị ngôn ngữ khởi đầu của các bộ phận văn bản	5	3.9	-	-
9			Tạo thành các động từ chỉ sự khởi đầu cho một cuộc sống mới, một phương thức hoạt động mới	9	5.3	-	-
10			Tạo thành cụm từ chỉ tính cách của con người	-	-	3	1.8
11			Chỉ nội dung chính, nội dung quan trọng của văn bản	-	-	2	1.2
12			Tên gọi của một số ngôi sao	-	-	4	2.5
13			Chỉ kiểu tóc của con người	3	1.8	5	3.1
14			Chỉ tính cách của con người	2	1.2	14	8.6
15	Tính từ	Giống nhau	Chỉ độ tuổi của con người	3	1.8	2	1.2
16			Chỉ khả năng nhận thức của con người	11	6.5	11	6.7
17			Tạo thành cụm tính từ chỉ trạng thái tâm lí của con người	1	0.6	5	3.1
18	Động từ	Giống nhau	Tạo thành cụm tính từ chỉ tính cách của con người	-	-	2	1.2
19		Khác nhau	Tạo thành cụm danh từ để chỉ một số loại máy móc điện tử	15	8.9	-	-
20			Tạo thành cụm danh từ chỉ sự nổi bật nhất, ấn tượng nhất	-	-	12	7.4
Tổng				169	100	163	100

2.1.1. Kết hợp với danh từ

Khi “đầu” và “hầu” kết hợp với danh từ tạo ra các cụm danh từ dùng để:

* Giống nhau:

- Đánh dấu mốc thời gian bắt đầu, thông báo thời gian khởi đầu của các hoạt động, việc làm có liên quan đến thời gian. Ví dụ: *đầu mùa* – หัวฤดู, *đầu năm* – หัวปี, *đầu giờ làm việc* – หัวงาน,...

- Thông báo điểm đầu tiên, điểm khởi đầu của một khu vực. Ví dụ: *đầu nước* – หัวเมือง, *đầu làng cuối xóm* – หัวบ้านท้ายบ้าน, *đầu ruộng* – หัวนา, ... Thông báo bộ phận đầu tiên, trước nhất của một sự vật, một câu chuyện... Ví dụ: *đầu thuyền* – หัวเรือ, *đầu đường* – หัวถนน, *đầu câu chuyện* – หัวเรื่อง,...

- Chỉ vị trí lãnh đạo cao nhất trong một cơ quan, một tổ chức, một nhóm người hoặc động vật. Ví dụ: *đầu đàn* – หัวฝูง, *đầu đàn* – หัวหน้าพรรค, *đầu lĩnh* – หัวหน้า, ...

- Chỉ bộ phận cơ thể người. Ví dụ: *đầu ruột* – หัวไส้, *đầu nhau thai* – หัวสะดือ, ...

- Tên gọi của máy móc hoặc bộ phận liên quan đến máy móc. Ví dụ: *đầu video*, *đầu kĩ thuật số*, *đầu máy* – หัวรถจักร, หัวเทียน (bu gi), ...

- Chỉ nước đầu tiên của một số loại thực phẩm. Ví dụ: *nước rượu đầu* – หัวเหล้า, *nước thuốc đầu* – หัวยา, ...

* Khác nhau:

- Tiếng Việt:

+ Chỉ vị trí xếp thứ nhất khi đánh giá về chất lượng, số lượng, chuyên môn... của một cá nhân, một đơn vị trong một cơ quan, một tổ chức. Ví dụ: *đầu bảng, đầu ngành, đầu lớp,...*

+ Chỉ đơn vị ngôn ngữ khởi đầu của các bộ phận văn bản. Ví dụ: *đầu câu, đầu đoạn, đầu dòng, đầu ý,...*

+ Tạo thành các động từ chỉ sự khởi đầu cho một cuộc sống mới, một phương thức hoạt động mới. Ví dụ: *đầu quân, đầu phật, đầu thai,...*

- Tiếng Thái Lan:

+ Tạo thành cụm từ chỉ tính cách của con người. Ví dụ: หัวหมอ (*đầu bác sĩ*), หัวไม้ (*đầu gỗ*).

+ Chỉ nội dung chính, nội dung quan trọng của văn bản. Ví dụ: หัวข้อ (*nội dung chính*), หัวเรื่อง (*chủ đề*)...

+ Tên gọi của một số ngôi sao. Ví dụ: หัวเสา (*sao thuyền*), หัวเนื้อทราย (*sao hình đồng cát*)...

2.1.2. Kết hợp với tính từ

Khi “đầu” và “หัว” kết hợp với tính từ tạo ra các cụm danh từ dùng để chỉ kiểu tóc, tính cách, khả năng nhận thức và lứa tuổi của con người. Trong tiếng Việt và trong tiếng Thái Lan, việc kết hợp của từ “đầu” và “หัว” với tính từ tạo nên các cụm từ có chức năng biểu hiện ngữ nghĩa về cơ bản là giống nhau. Cụ thể:

- Chỉ kiểu tóc của con người. Ví dụ: *đầu trọc* – หัวล้าน, *đầu chóm* – หัวจุก, *đầu bạc* – หัวหงอก...

- Chỉ tính cách của con người. Ví dụ: *đầu ương bướng* – หัวคื้อ, *đầu gỗ* – หัวไม้, *đầu gây sự* – หัวรุนแรง, *đầu nóng vội* – หัวร้อน,...

- Chỉ khả năng nhận thức của con người. Ví dụ: *đầu nhạy bén* – หัวแหลม, *đầu cổ lỗ sĩ* – หัวโบราณ, *đầu hiện đại* – หัวสมัยใหม่,...

- Chỉ độ tuổi của con người. Ví dụ: *đầu đen* – หัวดำ (*chỉ lứa tuổi trẻ*), *đầu bạc* – หัวหงอก (*chỉ lứa tuổi già*).

2.1.3. Kết hợp với động từ

Khi “đầu” và “หัว” kết hợp với động từ tạo ra các cụm danh từ hoặc cụm tính từ dùng để:

* *Giống nhau:*

- Tạo thành cụm tính từ chỉ tính cách của con người. Ví dụ: *đầu mưu tính* – หัวคิด, *đầu ương ngạnh* – หัวรั้น,...

- Tạo thành cụm tính từ chỉ trạng thái tâm lí của con người. Ví dụ: *đầu bận rộn* – หัวหมุน, *đầu rối bời* – หัวปักหัวปำ,...

* *Khác nhau:*

- Tiếng Việt: tạo thành cụm danh từ để chỉ một số loại máy móc điện tử. Ví dụ: *đầu máy phát điện, đầu máy video, đầu ghi...*

- Tiếng Thái: tạo thành cụm danh từ chỉ sự nổi bật nhất, ấn tượng nhất. Ví dụ: หัวรักหัวใคร (*nơi yêu dấu nhất*), หัวกระเด็น (*nổi trội nhất, nổi bật nhất*),...

2.2. Cơ sở kết hợp của từ “đầu” trong tiếng Việt và từ “หัว” trong tiếng Thái

Từ “đầu” trong tiếng Việt và từ “หัว” trong tiếng Thái có thể kết hợp được với các từ chỉ bộ phận của sự vật, hiện tượng khác nhờ vào sự tương đồng giữa bộ phận đầu của con người với bộ phận của các đối tượng khác. Các tương đồng đó bao gồm: Vị trí, chức năng, hình dáng và thứ tự xuất hiện của đầu. Đây là cơ sở để từ “đầu” và từ หัว kết hợp với các từ loại khác. Kết quả được phân loại cụ thể như sau:

Bảng 3. Khả năng kết hợp của từ đầu và từ หัว

STT	Tương đồng về	Đầu (169)	หัว (163)
-----	---------------	-----------	-----------

		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Vị trí	90	53.3	80	49.1
2	Chức năng	55	32.5	58	35.6
3	Hình thức	29	17.2	33	20.2
4	Thứ tự xuất hiện	3	1.8	0	0
Tổng		177	104.7	171	104.9

Trong quá trình phân loại, người nghiên cứu nhận thấy: có một số đơn vị ngôn ngữ có thể xếp vào hai nhóm tương đồng về vị trí (Chỉ vị trí đứng đầu, vị trí cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm động vật) và tương đồng về chức năng (Chỉ cá thể giữ vai trò điều hành, vai trò chỉ huy, vai trò chỉ đạo cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm cá thể động vật). Vì vậy, trong bảng phân loại, số lượng đơn vị ngôn ngữ là 169 và 163 nhưng số lần xuất hiện theo các đặc điểm dựa trên sự tương đồng lại lần lượt tương ứng là 177 và 171. Chi tiết này cũng cho thấy sự đa dạng và linh hoạt của ngôn ngữ theo hoàn cảnh sử dụng. Khả năng biểu đạt ý nghĩa của ngôn ngữ vượt qua giới hạn của chính bản thân nó. Các nội dung biểu hiện theo cơ sở kết hợp được thể hiện qua bảng 4 và các ví dụ cụ thể như sau:

Bảng 4. Nội dung biểu hiện cụ thể của các cụm từ theo cơ sở kết hợp

STT	Tương đồng về	Đặc điểm	Nội dung biểu hiện của các cụm từ	Đầu (169)		Vĩ (163)	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Vị trí	Giống nhau	Thông báo mốc thời gian bắt đầu của một khoảng thời gian	16	9,0	6	3,6
2			Thông báo điểm khởi đầu của một khoảng không gian	10	5,6	15	8,8
3			Thông báo phần đầu tiên của đồ vật, phần đầu của một bộ phận cơ thể người hoặc động vật	33	18,6	42	24,6
4			Chỉ vị trí đứng đầu, vị trí cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm động vật	7	4,0	8	4,8
5			Chỉ nước đầu của một số loại thực phẩm	3	1,7	4	2,3
6		Khác nhau	Chỉ sự khởi đầu cho một cuộc sống mới, một cách thức mới hay một phương thức hoạt động mới	11	6,2	-	-
7			Chỉ vị trí đứng đầu trong một cuộc thi, một cuộc đua	5	2,8	-	-
8			Chỉ phần đầu các bộ phận của văn bản	5	2,8	-	-
9			Chỉ ngón tay, ngón chân to nhất trên bàn tay, bàn chân	-	-	3	1,8
10			Chỉ nội dung chính của văn bản	-	-	2	1,2

11	Chức năng	Giống nhau	Đầu biểu là biểu tượng cho tính cách, khả năng nhận thức, trạng thái tâm lý của con người	18	10,2	41	24,0
12			Chỉ cá thể giữ vai trò điều hành, vai trò chỉ huy, vai trò chỉ đạo cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm cá thể động vật	7	4,0	8	4,7
13			Chỉ một bộ phận quan trọng của đồ vật hoặc cơ thể người, động vật có vai trò và chức năng điều khiển, chi phối mang tính quyết định đến toàn bộ hoạt động của đồ vật, cá thể đó	5	2,8	9	5,3
14		Khác nhau	Chỉ các loại máy móc điện tử	16	9,0	-	-
15			Đầu có chức năng làm đơn vị chỉ số lượng người nên được dùng làm danh từ chỉ số lượng động vật và của một số đồ vật	9	5,1	-	-
16	Hình thức	Giống nhau	Đầu là một bộ phận cơ thể người (đầu sinh học)	19	10,7	16	9,4
17			Đầu là cách gọi kiểu tóc	7	4,0	1	0,6
18			Chỉ đồ vật hoặc một bộ phận của đồ vật có hình dáng tương tự hình dáng của đầu	3	1,7	16	9,4
19	Thứ tự xuất hiện	Khác nhau	Chỉ đưa con đầu tiên, sản phẩm đầu, hành động việc làm được thực hiện lần thứ nhất	3	1,7	-	-
Tổng				177		171	

2.2.1. Dựa trên sự tương đồng về vị trí

Xét theo chiều từ trên xuống dưới, đầu chính là bộ phận đầu tiên và trên cùng của cơ thể con người. Chính vì vậy, con người đã lấy bộ phận này để gọi tên bộ phận đầu tiên, vị trí trên cùng của các đối tượng khác. Căn cứ vào tiêu chí này, chúng tôi có kết quả phân loại tư liệu như sau:

* Giống nhau:

Đặc điểm này từ “đầu” trong tiếng Việt và từ và “หัว” trong tiếng Thái có sự biểu hiện cơ bản là giống nhau.

- Thông báo mốc thời gian bắt đầu của một khoảng thời gian. Ví dụ: *đầu năm* – หัวปี, *đầu tháng* – หัวเดือน, *đầu mùa* – หัวฤดู...

- Thông báo điểm khởi đầu của một khoảng không gian. Ví dụ: *đầu làng cuối xóm* – หัวบ้านท้ายบ้าน, *đầu nước* – หัวเมือง...

- Thông báo phần đầu tiên của đồ vật. Ví dụ: *đầu bàn* – หัวโต๊ะ, *đầu thuyền* – หัวเรือ, *đầu hàng* – หัวแถว...

- Chỉ vị trí đứng đầu, vị trí cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm động vật. Ví dụ: หัวพรรค (*đầu đảng*), หัวฝูง (*đầu đàn*).

* Khác nhau:

- Tiếng Việt: Chỉ vị trí đứng đầu trong một cuộc thi, một cuộc đua. Ví dụ: *đầu ngành, đầu bảng, dẫn đầu...*

- Tiếng Thái Lan: Chỉ ngón tay to nhất trên bàn tay – หัวแม่มือ, ngón chân to nhất bàn chân – หัวแม่เท้า...

2.2.2. Dựa trên sự tương đồng về chức năng

Đầu có chức năng điều khiển mọi hoạt động của cơ thể. Vì thế, đầu giữ vai trò trung tâm, quan trọng nhất đối với toàn bộ cơ thể sinh học của con người và động vật. Vì vậy, căn cứ vào chức năng quan trọng này, con người đã lấy chức năng của đầu để chỉ chức năng quan trọng nhất của một số bộ phận trên đồ vật hoặc vị trí lãnh đạo của một tổ chức, một nhóm cá thể người và động vật. Cụ thể:

* Giống nhau:

- Chỉ cá thể giữ vai trò điều hành, vai trò chỉ huy, vai trò chỉ đạo cao nhất của một cơ quan, tổ chức, một nhóm người, một nhóm cá thể động vật. Ví dụ: *đầu đảng* – หัวพรรค, *đầu đàn* – หัวฝูง, *đầu bang* – หัวก,...

- Chỉ một bộ phận quan trọng của đồ vật có vai trò và chức năng điều khiển, chi phối mang tính quyết định đến toàn bộ hoạt động của đồ vật đó. Tuy nhiên, lĩnh vực sử dụng trong tiếng Việt và tiếng Thái Lan lại không giống nhau. Ví dụ: tiếng Việt: *đầu ruồi, đầu mối*,... tiếng Thái Lan: หัวก็อก (*khóa vòi nước*), หัวเทียน (*bu gi*),...

* Khác nhau:

- Tiếng Việt:

+ Chỉ các loại máy móc điện tử. Ví dụ: *đầu video, đầu ghi, đầu đĩa*,...

+ Đầu có chức năng làm đơn vị chỉ số lượng người nên được dùng làm danh từ chỉ số lượng động vật và của một số đồ vật. Ví dụ: *đầu dê, đầu gia súc, đầu sách, đầu số*...

- Tiếng Thái: Chỉ vị trí lãnh đạo cao nhất trong một cơ quan, tổ chức. Ví dụ: หัวหน้า, หัวมัน (*lãnh đạo*),...

2.2.3. Dựa trên sự tương đồng về hình thức

Đầu là một bộ phận cơ thể người có hình tròn. Vì vậy, con người đã lấy hình dáng đó gọi tên cho một số đồ vật có hình tròn và ở vị trí đầu tiên của đồ vật. Ví dụ: tiếng Việt: *đầu cọc, đầu đinh* – หัวเม็ด..., tiếng Thái: หัวเค็ด (*loại đinh có mũ hình nấm*), หัวปลาก (*tổ mối*),...

2.2.4. Dựa trên sự tương đồng về thứ tự xuất hiện

Đầu là bộ phận trên cùng của cơ thể người và động vật. Chính vì vậy, mỗi khi xuất hiện, theo thứ tự, đầu của chúng ta là bộ phận được đối tượng khác nhìn thấy đầu tiên. Người Việt đã lấy từ đầu kết hợp với một số danh từ dùng để chỉ: đứa con đầu tiên gọi là con *đầu lòng*, sản phẩm đầu tiên do con người làm ra được gọi là *đầu tay*, hành động việc làm được thực hiện lần thứ nhất gọi là *đầu tiên*. Riêng đặc điểm này trong tiếng Thái không có sự tương đồng với tiếng Việt.

3. Kết luận

Khi giao tiếp trong đời sống hàng ngày, con người đã dùng những từ chỉ bộ phận cơ thể người kết hợp với các từ ngữ khác để gọi tên các sự vật hiện tượng khác dựa trên sự tương đồng về một đặc trưng nào đó. Từ *đầu* của tiếng Việt và từ หัว của tiếng Thái cũng không ngoại lệ, chúng là một trong những từ chỉ bộ phận cơ thể người có tên gọi sớm nhất, có tần suất sử dụng nhiều nhất và có khả năng kết hợp với thực từ khác rất cao để gọi tên các sự vật hiện tượng khác.

Người Việt và người Thái cùng có thói quen dùng từ chỉ bộ phận cơ thể *đầu* kết hợp với các thực từ để chỉ một số sự vật, hiện tượng quen thuộc trong cuộc sống. Trong các kết hợp từ, từ *đầu* và từ *หัว* kết hợp với danh từ chiếm số lượng nhiều nhất chủ yếu dùng để chỉ vị trí đầu tiên, điểm xuất phát, vị trí trên cùng ... của sự vật hiện tượng. Sau đó, các cụm từ được tạo thành khi từ *đầu* và từ *หัว* kết hợp với động từ và tính từ tạo thành với số lượng không nhiều. Điểm khác biệt lớn nhất ở cơ sở kết hợp của từ *đầu* và từ *หัว* chính là từ *đầu* trong tiếng Việt kết hợp với danh từ tạo thành các động từ chỉ sự khởi đầu mới: đầu quân đầu phạt... và kết hợp với các động từ tạo thành danh từ chỉ các thiết bị điện tử: đầu đọc, đầu ghi...

Ở nội dung cơ sở kết hợp, người Việt và người Thái đều tập trung chủ yếu vào vị trí, chức năng và hình thức của bộ phận *đầu* để có các cụm từ chỉ vị trí đầu tiên, chỉ khả năng nhận thức, chỉ hình dáng của đầu... Bên cạnh các đặc điểm đó, người Việt còn chú ý đến thứ tự xuất hiện của bộ phận *đầu*, điều này không thấy xuất hiện trong tiếng Thái. Đây cũng là một trong những nét riêng thể hiện chất văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Trọng Lạc (1994), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Lộc (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, TP. Đà Nẵng.
6. Lê Quang Thiêm (2008), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. *Từ điển tiếng Thái* (2013), Nxb Namibook Publication, Băng Cốc.
8. Wassana Namphon (2009), *So sánh đối chiếu ngữ pháp tiếng Thái Lan và tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

9. Patthida Bunchavalit (2019), *The Vietnamese Tones Variation in Closed Syllable of the Viet Kieu in Nakhon Phanom Province Thailand*, Kì yếu Hội thảo: Fifth International Conference on Linguistics and Language Study, Hong Kong.

An investigation in the phrases starting with "đầu" in Vietnamese and the “หัว” in Thai

Abstract: The article aims at comparing the combining potentials and combining bases of the word ‘đầu’ in Vietnamese with the word หัว in Thai. Through the process of comparison, the article points out the similarities and differences of the words denoting the same parts of the human body when communicating in a different language. The article also shows some cultural differences between the two countries.

Key words: eyes; similar; different; Vietnamese; Thai.